

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 683/2018/HS-PT
Ngày 07 - 12 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;
Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh;
Bà Huỳnh Thanh Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 173/2018/TLPT-HS ngày 23 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Mai Thị Tuyết L, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2018/HS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo:

Mai Thị Tuyết L, sinh năm 1985 tại Bến Tre; Thường trú: khóm 4, thị trấn Đ, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Thanh Tr và bà Lưu Thị V; Có chồng là Đặng Văn Th (đã ly hôn) và 01 người con (sinh năm 2002); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/4/2014. (có mặt)

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Đỗ Hải B – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người bị hại: Ông Nguyễn Văn S (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 3, phường T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Luật sư Nguyễn Đình H - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Trần Thị D (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường B, phường Nh, thành phố B1, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D: Luật sư Bùi Thanh Nh - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/. Ông Võ Văn R (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 7, xã Ph, huyện C, tỉnh Long An.

Chỗ ở: khu phố 4, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Bà Dương Thị L (vắng mặt)

Thường trú: xã Đ1, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Thị Tuyết L sinh sống bằng nghề buôn bán các mặt hàng hải sản. Trong quá trình buôn bán đến giữa năm 2012, L thiếu nợ bà Trần Thị D (trú tại số 418/7 đường B, phường Nh, thành phố B1, tỉnh Bạc Liêu) với số tiền khoảng 2.000.000.000 đồng, không có khả năng chi trả nên L cắt đứt liên lạc với bà D nhằm trốn tránh việc trả nợ. Sau đó, bà D thông qua bà Dương Thị D1 (trú tại ấp Đ2, xã Đ1, huyện D, tỉnh Trà Vinh) liên lạc với mẹ của L là bà Lưu Thị D2 (trú tại Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh) và yêu cầu bà D2 kêu L liên lạc với D để nói chuyện. Đến cuối năm 2012, L liên lạc lại với Trần Thị D, thông qua D thì L biết được ông Nguyễn Văn S (trú tại khu phố 3, phường T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang) là Giám đốc Công ty T có trụ sở tại thị xã H, tỉnh Kiên Giang có trên 100 tấn Ruốc khô đang gửi tại kho lạnh Công ty TNHH P (gọi tắt là kho lạnh con Gấu) tại đường Ng, phường Ph, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D nói cho L biết là ông S đang cần bán số Ruốc khô trên (do bà D là người trực tiếp bán số Ruốc khô trên cho ông S và có mối quan hệ làm ăn lâu năm với ông S), L nảy sinh ý định chiếm đoạt số Ruốc khô của ông S để tiêu xài và trả nợ.

Sau đó L sử dụng sim điện thoại di động số 0938872359 (sim khuyến mãi) không đăng ký tên chủ thuê bao để liên lạc với ông Nguyễn Văn S, L tự xưng tên mình là Tr, có cổ phần trong Công ty K ở thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (Công ty không có thật) hỏi mua con Ruốc khô của S. Qua trao đổi, S báo giá bán là 70.000 đồng/kg và cho biết hàng đang gửi tại kho lạnh của Công ty P. Sau đó, L thuê Nguyễn Văn T là người hành nghề xe ôm lấy mẫu Ruốc khô, tại kho con Gấu để L chào hàng ở chợ A và chợ B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi chào hàng, L không đồng ý mua con Ruốc khô của S, với giá 70.000 đồng/kg mà yêu cầu giảm giá. Do sợ bị lỗ, đồng thời nghĩ Tr là người có thật nên S đồng ý bán hàng cho L, với giá ban đầu là 58.000 đồng/kg; sau đó giảm xuống còn 50.000 đồng/kg với phương thức L lấy hàng trước, thanh toán tiền sau; việc mua bán này

chỉ là thỏa thuận miệng không ký kết hợp đồng. Đồng thời L và ông S cũng không gặp nhau, mà chỉ liên lạc qua điện thoại. Khi liên hệ với ông S để mua hàng, L sử dụng số điện thoại 0938872359 và tự xưng giả tên là Tr, nhưng khi nhận được hàng và chuyển tiền cho ông S thì L dùng tên thật là L và sử dụng số điện thoại 0986037177 để liên lạc. Việc giao nhận hàng con ruốc khô giữa ông S và L không có lập chứng từ khi giao nhận hàng. Trước khi nhận hàng, L chỉ điện thoại báo cho ông S biết thông tin về họ tên người nhận hàng, biển số xe, số lượng hàng muốn nhận. Sau đó, ông S điện thoại báo cho nhân viên tại kho con Gấu xuất hàng cho L. Số hàng con Ruốc khô này, đựng trong các thùng giấy carton màu sẫm, trên thùng có ghi ký hiệu S, IS, SS hoặc không có các ký hiệu trên (mỗi thùng từ 10 đến 12 kg) được L thuê xe ô tô tải của Lý Hoàng L, ngụ tại khu phố 1, K, phường A, quận B và Trần Đình L, ngụ tại đường 47, phường C, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh để chở từ kho lạnh con Gấu sang kho lạnh của Doanh nghiệp tư nhân Q-H do L thuê để cất giữ.

Trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/2012 đến ngày 17/01/2013, Mai Thị Tuyết L mua của ông Nguyễn Văn S tổng cộng 141.458kg con Ruốc khô, thành tiền là 7.279.332.000 đồng, nhưng L chỉ thanh toán số tiền 2.486.350.000 đồng, tương đương với số lượng 45.604 kg Ruốc khô. Sau đó, từ tháng 02/2013, L viện nhiều lý do để thiếu lại không chịu thanh toán và tắt máy điện thoại cắt liên lạc với ông S để chiếm đoạt số tiền 4.792.700.000 đồng, tương đương 95.854 kg Ruốc khô. Số hàng này, L đã bán cho các cá nhân và công ty, như sau:

1/ Trần Kiều Tr (trú tại đường P, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh) mua của L tổng cộng trên 6.000 kg con ruốc khô, với giá từ 43.000 đồng/kg đến 44.000 đồng/kg và L thu được số tiền 272.000.000 đồng;

2/ Nguyễn Thị X (trú tại phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh), mua của L tổng cộng 41.952 kg con Ruốc khô, với giá 48.000 đồng/kg và L thu được số tiền 2.013.700.000 đồng;

3/ Lý Thị T (trú tại đường L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) mua của L 4.728 kg con Ruốc khô, với giá từ 50.000 đồng/kg đến 75.000 đồng/kg và L thu được tổng số tiền 268.140.000 đồng;

4/ Công ty TNHH H (địa chỉ tại đường L1, xóm H, xã T1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) mua của L 19.353 kg con ruốc khô, với giá từ 20.000 đồng/kg đến 60.000 đồng/kg và L thu được tổng số tiền 980.292.000 đồng.

Số ruốc khô còn lại 23.821 kg, L khai bán cho một số cá nhân khác tại Thành phố Hồ Chí Minh, với giá 20.000 đồng/kg và thu được số tiền 476.420.000 đồng, nhưng L không nhớ rõ họ tên, địa chỉ của các cá nhân này. Khi liên hệ với khách mua hàng, L xưng giả tên L1 và H và sử dụng thuê bao điện thoại số 0944729609 (sim khuyến mãi) để liên lạc, giao dịch bán hàng.

Do biết mình bị lừa đảo, ông Nguyễn Văn S gửi đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của L đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Kiên

Giang. Sau đó, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Kiên Giang ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Mai Thị Tuyết L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại Bản án số 84/HSST/2015 ngày 31/8/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tuyên phạt Mai Thị Tuyết L 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 14/3/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy Bản án số 84/HSST/2015 ngày 31/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang do: các cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh Kiên Giang thực hiện điều tra, truy tố và xét xử không đúng thẩm quyền. Đồng thời cần điều tra lại để xác định đúng vai trò của bà Trần Thị D trong vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2018/HS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Mai Thị Tuyết L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt Mai Thị Tuyết L 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2014.

Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Buộc bị cáo Mai Thị Tuyết L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền 4.792.700.000 đồng, trong đó:

- Bị cáo Mai Thị Tuyết L phải bồi thường 3.522.700.000 đồng.
- Bà Trần Thị D, bà Dương Thị L và ông Võ Văn R phải nộp lại số tiền 1.270.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn S, cụ thể như sau:
 - + Bà Trần Thị D phải nộp lại 1.000.000.000 đồng.
 - + Bà Dương Thị L phải nộp lại 170.000.000 đồng.
 - + Ông Võ Văn R phải nộp lại 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về việc xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn S vẫn giữ nguyên kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại do bỏ lọt tội phạm, việc điều tra, xét xử có nhiều vấn đề không khách quan, không đúng quy định pháp luật, đồng thời cung cấp vật chứng mới là 01 USB.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt và nêu ý kiến giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản

án sơ thẩm phần quyết định buộc bà trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng bởi bà không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo L cho rằng chỉ có bị cáo tham gia một mình, không có sự xúi giục của bà Trần Thị D. Tài liệu người bị hại đưa ra là 01 USB làm cơ sở cho rằng bị cáo L và bà D cùng thực hiện hành vi lừa đảo là chưa có căn cứ. Về phần trách nhiệm dân sự có kháng cáo của bà D, do bị cáo thừa nhận có chuyển tiền có được thông qua việc bán hàng của ông S cho bà D qua tài khoản ngân hàng nên cấp sơ thẩm buộc bà D phải trả lại cho ông S 1.000.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Bị cáo L phạm tội lừa đảo có sự hướng dẫn của bà Trần Thị D. Tại rất nhiều biên bản lời khai, hỏi cung L đều thừa nhận có sự tham gia của D. Bị cáo liên tục thay đổi lời khai. Tại phiên tòa hôm nay, phía bị hại có đưa ra tài liệu là băng ghi âm thể hiện có tài liệu của BA71 là tình tiết mới. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D trình bày: Bị cáo L chỉ sử dụng duy nhất 01 tài khoản thể hiện các khoản vào ra. Không có căn cứ xác định số tiền 1.000.000.000 đồng L chuyển khoản cho bà D là từ nguồn tiền chiếm đoạt của ông S. Do đó, không có căn cứ để buộc bà D phải trả lại cho ông S số tiền nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà D.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L trình bày: Có nhiều lời khai của bị cáo L bất nhất nhưng cơ quan điều tra đã tiến hành xem xét và không có cơ sở để xác định bà D là đồng phạm trong vụ án. Ngoài ra, mặc dù bị cáo không kháng cáo, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kết quả điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm xác định:

Do cần tiền tiêu xài và trả nợ, Mai Thị Tuyết L đã sử dụng tên giả và số điện thoại không đăng ký chủ thuê bao liên lạc với ông Nguyễn Văn S, tự xưng mình có cổ phần trong Công ty K – là một công ty không có thật để hỏi mua ruốc khô của ông S. Trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến 2013, L mua của ông S tổng cộng 141.458kg ruốc khô, thành tiền 7.279.332.000 đồng nhưng chỉ thanh toán được 2.486.350.000 đồng. Sau đó, từ tháng 02/2013 thì L cắt liên lạc với ông S để chiếm đoạt số tiền nợ còn lại 4.792.700.000 đồng. Với hành vi như đã nêu

trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Mai Thị Tuyết L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và xử phạt bị cáo 15 năm tù.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm vì cho rằng quá trình điều tra, xét xử ở cấp sơ thẩm đã bỏ lọt người phạm tội là bà Trần Thị D; xử phạt bị cáo L mức hình phạt không thỏa đáng. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể lời khai nhận của Mai Thị Tuyết L liên quan đến vai trò của bà Trần Thị D có nhiều mâu thuẫn.

Quá trình điều tra tại cơ quan cảnh sát điều tra tỉnh Kiên Giang bị cáo L khai mình cùng với bà D bàn bạc với nhau lừa chiếm đoạt tiền của ông S thông qua việc mua bán ruốc khô. Tuy nhiên, sau đó tại phiên tòa phúc thẩm ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo L xác định lời khai ban đầu tại cơ quan điều tra là không đúng, bà D không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo (BL393-396). Bản án phúc thẩm số 107/2016/HSST ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang để điều tra, xét xử lại do sai thẩm quyền và cần làm rõ hành vi của Trần Thị D.

Trong quá trình điều tra lại tại Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, tại tờ tường trình ngày 16/01/2017, bị cáo L lại khai D hướng dẫn cho mình cách liên lạc với ông S để mua hàng rồi chiếm đoạt tài sản (BL 631-641). Tại biên bản đối chất ngày 19/01/2017 giữa bị cáo và bà Trần Thị D, bị cáo xác định bà D hướng dẫn bị cáo mua sim điện thoại khác và tự xưng tên Tr để liên lạc với ông S, mua hàng rồi thanh toán theo phương thức chậm trả tiền (BL627-630).

Sau đó, tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2017, 31/8/2017 và bản tường trình ngày 31/8/2017, bị cáo Mai Thị Tuyết L lại thay đổi lời khai xác định bà D không hướng dẫn, bàn bạc với bị cáo về việc lừa đảo để chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Văn S (BL917-927).

Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Văn S không quen biết với Mai Thị Tuyết L trước đó, mà quen biết thông qua Trần Thị D. Việc D và L có bàn bạc, thỏa thuận với nhau phù hợp với diễn biến sự việc. Thực tế L có nợ D số tiền 02 tỷ đồng và sau khi nhận hàng từ ông S, L bán lấy tiền và đã chuyển cho D số tiền 1.036.000.000 đồng.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông Nguyễn Văn S đã cung cấp một USB có chứa đoạn ghi âm và một bản dịch, trong đó có nội dung trao đổi giữa ông S và người tên Bình – Đội trưởng Đội điều tra hình sự Công an tỉnh Kiên Giang liên quan đến việc điều tra vụ án. Nội dung đoạn hội thoại có nhắc đến một chứng cứ khác là nội dung ghi âm của đơn vị nghiệp vụ BA71 Bộ Công an ghi lại cuộc nói chuyện giữa Mai Thị Tuyết L và Trần Thị D, trao đổi với nhau để thống nhất lời khai sẽ khai tại cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết mới chưa được xác minh, giám định để làm rõ vai trò của Trần Thị D có phải là đồng phạm trong vụ án hay không.

Hơn nữa, bà Trần Thị D được Hội đồng xét xử triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên không thể tiến hành đối chất để làm rõ nội dung vụ án.

Việc xác định vai trò của Trần Thị D trong vụ án là cần thiết. Trường hợp D là đồng phạm trong vụ án thì phải xác định vai trò của từng bị cáo, ai là chủ mưu, từ đó mới có căn cứ để đưa ra mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo Mai Thị Tuyết L.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết mới bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm mà không thể làm rõ được nên cần phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xác định lại vai trò của Trần Thị D trong vụ án, tránh bỏ lọt tội phạm.

[4] Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Mai Thị Tuyết L của ông Nguyễn Văn S và kháng cáo phần dân sự của bà Trần Thị D.

[5] Các đương sự trong vụ án không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị D.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2018/HSST ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh điều tra lại theo quy định pháp luật.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Mai Thị Tuyết L cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an TP. Hồ Chí Minh (4);
- NBH (1);
- NLQ (1);
- Lưu VP (3), HS (2). (16b).PAT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy